

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2022/HNGĐST**
Ngày 30-8-2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2022/TLST–HNGĐ, ngày 01 tháng 08 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 22 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K 5A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn:** Anh **Ngô Phước Nh** – sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K 5A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:***

Chị M và anh Nh tự quen nhau đi đến tổ chức đám cưới vào ngày 13/6/1996, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết và thường hay đánh chị đến cuối năm 2021 thì ly thân cho đến nay. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung:

1. Ngô Thị Ngọc Tr – sinh năm 20/3/1997

2. Ngô Thị Ngọc Á – sinh ngày 30/01/2001

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên Tòa chị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị M yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Phước Nh.

- Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Theo bản tự khai, và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 22/8/2022 anh Ngô Phước Nh trình bày:***

Anh Nh thống nhất với lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, có 02 người con chung, không có tài sản và nợ chung là đúng.

Tại Tòa án, anh Nh yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh đồng ý ly hôn với chị M.

- *Về quan hệ con chung:* Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M, anh Ngô Phước Nh

Chị M và anh Nh chung sống với nhau vào ngày 13/06/1996, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[2] *Về quan hệ con chung:* Chị M, anh Nh xác nhận vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung là Ngô Thị Ngọc Tr – sinh ngày 20/03/1997; Ngô Thị Ngọc Á – sinh năm: 30/01/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* chị M, anh Nh xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M với anh Ngô Phước Nh là vợ chồng.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Phước Nh là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Hai người con Ngô Thị Ngọc Tr – sinh năm 20/3/1997, Ngô Thị Ngọc Á – sinh ngày 30/1/2001 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, Nợ chung: chị M, anh Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006039, ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Ngô Phước Nh có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Tân Hiệp A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo